

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16.3.2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn

2. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn

- Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

HKTT: Số 174 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

Hiện trú tại: Xóm N, KV. A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Thái Bảo C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 174 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:** Chị và anh Thái Bảo C tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường B, vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà chồng ở phường B. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu từ chuyện anh C thường xuyên nhậu nhẹt, chị nhiều lần khuyên nhưng anh C không nghe nên giữa vợ chồng thường có lời qua tiếng lại. Đến tháng 9/2019, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, chị bỏ về phường N sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Thái Bảo C.

Về con chung: Có 02 người con tên Thái Nguyễn Hà M, sinh ngày 25.6.2014 và

Thái Bảo A, sinh ngày 26.8.2017, hiện cháu M đang ở với anh C, còn cháu A đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu A, giao cho anh C nuôi cháu M, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Thái Bảo C trình bày: Thông nhất như lời trình bày của chị H về thời gian cưới, nơi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh ở phường B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh đi nhậu nhiều, chị H không đồng ý nên giữa vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Đến tháng 9/2019, chị H bỏ về phường N sống, chỉ thỉnh thoảng ghé qua chở con về nhà ngoại chơi. Từ khi chị H đi không có lần nào anh thuyết phục chị H quay về chung sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H nên anh thống nhất ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 02 người con tên Thái Nguyễn Hà M, sinh ngày 25.6.2014 và Thái Bảo A, sinh ngày 26.8.2017, hiện cháu M đang ở với anh, còn cháu A đang ở với chị H. Ly hôn anh yêu cầu giao cả hai con cho anh nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Bảo C theo điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Thái Nguyễn Hà M cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Thái Bảo A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn với anh Thái Bảo C có địa chỉ cư trú tại số nhà 174 đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Thái Bảo C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Bảo C có thời

gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, được UBND phường B cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, giữa chị H, anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng giữa hai anh chị lại không thể hàn gắn, giải quyết, từ đó dẫn đến việc chấm dứt việc sống chung, sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Trong quá trình làm việc chị H, anh C cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần tiến hành các phiên tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện hòa giải thành và thuận tình ly hôn giữa chị H, anh C nhưng các lần hòa giải đều vắng mặt anh C do đó không thể lập biên bản hòa giải thành. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị H, anh C thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp với thực tế mâu thuẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Bảo C.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh C có 02 người con tên Thái Nguyễn Hà M sinh ngày 25.6.2014 và Thái Bảo A sinh ngày 26.8.2017, cháu M đang do anh C nuôi dưỡng, còn cháu A đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu A, giao anh C tiếp tục nuôi cháu M, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; còn anh C có yêu cầu được nuôi cả hai người con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H, anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm xét xử, cháu Thái Bảo A chỉ mới hơn 30 tháng tuổi, cháu vẫn còn nhỏ và rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.”* Anh C cũng không chứng minh được chị H không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Thái Bảo A cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với cháu Thái Nguyễn Hà M sinh ngày 25.6.2014 hiện đang sống ổn định với anh C, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu M và không gây xáo trộn trong cuộc sống làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu, cần giao cháu Thái Nguyễn Hà M cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H, anh C không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Thái Bảo C.

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao người con tên Thái Nguyễn Hà M sinh ngày 25.6.2014 cho anh C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao người con tên Thái Bảo A sinh ngày 26.8.2017 cho chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh C không yêu cầu giải quyết, không xét.

4/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004796 ngày 10.12.2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND p. B
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Mỹ Lệ